TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2023.
V/v: "Ly hôn giữa chị N và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải Anh.

Ông Trần Xuân Chỉnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N; Sinh năm: 1994*(Vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Anh Nguyễn Văn Q; Sinh năm: 1984*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2022 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 04/5/2011, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống nhưng do bất đồng quan điểm tích cách không hợp, mặt khác do chị làm ăn không thuận lợi dẫn đến thua lỗ. Vì vậy, chị và anh Q có mâu thuẫn trầm trọng vì kinh tế quá khó khăn. Từ

đầu năm 2018 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 17/04/2016. Hiện cháu Y đang ở cùng anh Q. Nay ly hôn chị đề nghị nhường quyền nuôi con chung cho anh Q và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng cho đến khi cháu Yđủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị N vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn Q không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngát. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vẫn vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị N và anh Q, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 17/04/2016. Chị Bùi Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.800.000 đồng, kể từ tháng 1/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Ncó quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Về quyền kháng cáo: Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 04 tháng 5 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Trong toàn bộ quá trình kể từ khi ly thân anh chị không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn đoàn tụ và trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không có mặt. Điều đó chứng tỏ anh chị không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh Q nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Nguyễn Văn Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 17/04/2016. Hiện cháu Y đang ở cùng anh Q. Trên cở sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, giao cho anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Bùi Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.800.000 đồng, kể từ tháng 1/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nkhông yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Sau này, nếu anh Q có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 17/04/2016. Chị Bùi Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bùi Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004797 ngày 02/11/2022. Chị Bùi Thị N còn phải nộp 300.000 đồng.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N, anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP